KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH NĂM 2020 TỈNH LÂM ĐỒNG

1. Giới thiệu POBI 2020

Chỉ số công khai ngân sách tỉnh (POBI) là một sáng kiến quốc gia, được thực hiện độc lập bởi Trung tâm Phát triển và Hội nhập (CDI) và Viện nghiên cứu Kinh tế và Chính sách (VEPR). Năm 2020 là năm thứ tư POBI được khảo sát. Khảo sát POBI 2020 của tỉnh Lâm Đồng được tiến hành vào ngày 01/02/2021. Nhóm nghiên cứu đã rà soát các văn bản được công bố trên các trang thông tin điện tử của UBND tỉnh, Sở Tài chính, HĐND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư (KH&ĐT) và MTTQ tỉnh.

Khảo sát POBI 2020 gồm **96** câu hỏi có tính điểm phân tích về hai trụ cột của trách nhiệm giải trình ngân sách: (i) Mức độ công khai, minh bạch và (ii) Sự tham gia của công chúng. Các tài liệu được sử dụng khảo sát bao gồm 11 loại tài liệu bắt buộc phải công khai theo như Luật Ngân sách Nhà nước (NSNN) 2015 và thông lệ tốt của quốc tế.

Trụ cột thứ nhất – ***công khai minh bạch ngân sách*** bao gồm các chỉ số về tính tính sẵn có, kịp thời, thuận tiện, đầy đủ và tính tin cậy của 11 loại tài liệu ngân sách. Trong số 11 tài liệu này, có 7 loại tài liệu ngân sách bắt buộc phải công khai theo Luật NSNN 2015 và 4 tài liệu ngân sách cần phải công khai theo như thông lệ tốt của quốc tế (xem Bảng 2). Chỉ số công khai ngân sách POBI 2020 là kết quả của **85** câu hỏi trong trụ cột này được quy về thang điểm 100.

Trụ cột thứ hai – ***sự tham gia*** gồm **11** câu hỏi trong đó 8 câu hỏi về mức độ chính quyền địa phương tạo điều kiện để người dân tham gia vào chu trình ngân sách thông qua trang thông tin điện tử của Sở Tài chính; 3 câu hỏi về mức độ phản hồi thông tin của Sở Tài chính tỉnh đối với câu hỏi/yêu cầu cung cấp thông tin của nhóm nghiên cứu.

2. Kết quả khảo sát POBI 2020 tỉnh Lâm Đồng

Bảng 1: Kết quả khảo sát POBI 2020 của tỉnh Lâm Đồng

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH LÂM ĐỒNG NĂM 2020		
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ CÔNG KHAI NGÂN SÁCH POBI 2020)		**SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN**
XẾP HẠNG **36**	**10/11** Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG **17**
ĐIỂM XẾP HẠNG **69,25**	**7** Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG **55**
TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ	**1** tài liệu công bố chậm, **0** tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai	

Ghi chú: *Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2020, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).*

2.1. Nhận xét chung về kết quả công khai ngân sách của tỉnh

Kết quả khảo sát POBI 2020 cho thấy tỉnh Lâm Đồng đã công bố **TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Lâm Đồng đạt **69,25** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **36** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2020, **giảm 13 hạng** so với kết quả chấm POBI 2019.

Bảng 2: Kết quả chấm POBI 2020 tỉnh Lâm Đồng phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi[1]	Điểm POBI 2020 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	**550**	**7,97**
B. Điểm trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2020	**4778**	**69,25**
Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	915	13,26
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được	582	8,43

[1] Đã tính trọng số

HĐND tỉnh phê duyệt		
3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2020	350	5,07
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020	350	5,07
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2020	350	5,07
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020	350	5,07
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1315	19,06
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2021 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	166	2,41
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2021	100	1,45
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2020 hoặc 2021	100	1,45
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019	0	0,00
Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	800	11,59
2. Tính kịp thời	566	8,20
3. Tính thuận tiện	700	10,14
4. Tính đầy đủ	1981	28,71
5. Tính tin cậy	431	6,25
6. Tính liên tục	300	4,35

2.2. Trụ cột minh bạch ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2020 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang thông tin điện tử của Sở Tài chính tỉnh Lâm Đồng, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh có thư mục riêng về công khai ngân sách. Thư mục công khai ngân sách của tỉnh Lâm Đồng được phân chia rất hệ thống, có thể lọc được các loại tài liệu như báo cáo ngân sách công dân, kế hoạch đầu tư công, báo cáo nợ công,... Tuy nhiên các tài liệu ngân sách chưa theo sát biểu mẫu của TT343.
- Trên website của Sở Tài chính tỉnh có **7/8** loại tài liệu được chấm điểm về định dạng tài liệu được công khai ở dạng word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2020; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020; và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt.
- Báo cáo Kế hoạch Đầu tư công năm 2021 được công khai ở định dạng PDF scan, không thuận tiện cho việc sử dụng.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Tỉnh đã công khai **10/11** loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2020; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020; Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo ngân sách công dân năm 2021 (cho Dự toán đã được phê duyệt) và Kế hoạch Đầu tư công năm 2021; và Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2020 hoặc năm 2021.
- **01** tài liệu ngân sách không công khai, đó là: Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

Trong số các tài liệu ngân sách được công khai, có **07** tài liệu được công khai kịp thời trên trang thông tin điện tử của Sở Tài chính, UBND, và HĐND tỉnh; **01** tài liệu được công khai muộn. Cụ thể:

- **07** tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2020 và Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020.
- **01** tài liệu trong được công khai muộn, đó là: Báo cáo ngân sách công dân năm 2021 (cho Dự toán đã được phê duyệt).

Tính đầy đủ của tài liệu được công khai

Nhóm nghiên cứu có một số nhận xét về tính đầy đủ của các loại tài liệu chấm điểm POBI như sau:

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh. Báo cáo thuyết minh có giải thích về ưu tiên của địa phương cho ít nhất một chính sách cụ thể và được minh chứng bằng số liệu. Báo cáo thuyết minh có nêu căn cứ dựa vào các chỉ tiêu PTKTXH trung hạn (2021-2025), kế hoạch tài chính trung hạn của tỉnh. Tuy nhiên, báo cáo chỉ đính kèm 7 biểu, và không theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu số 35/CK-NSNN chưa phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (chỉ có 9 mục nhỏ). Các biểu về cân đối ngân sách (Biểu số 33/CK-NSNN), về các lĩnh vực chi đầu tư (Biểu số 39/CK-NSNN), về chi thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo đơn vị sử dụng ngân sách tỉnh và huyện (Biểu số 44/CK-NSNN) đều không được công khai, vì vậy không được tính điểm.
- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: báo cáo chỉ đính kèm 7 biểu, và không theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu số 48/CK-NSNN chưa phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (chỉ có 9 mục nhỏ). Các biểu về cân đối ngân sách (Biểu số 46/CK-NSNN), về các lĩnh vực chi đầu tư (Biểu số 52/CK-NSNN), về chi thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo đơn vị sử dụng ngân sách tỉnh và huyện (Biểu số 58/CK-NSNN) đều không được công khai, vì vậy không được tính điểm.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, Biểu số 59/CK-NSNN không theo biểu mẫu trong TT343, cụ thể là thiếu mục C (bội chi/bội thu) và mục D (chi trả nợ gốc); mục A không chi tiết các khoản thu cân đối theo mẫu.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, Biểu số 59/CK-NSNN không theo biểu mẫu trong TT343, cụ thể là thiếu mục C (bội chi/bội thu) và mục D (chi trả nợ gốc); mục A không chi tiết các khoản thu cân đối theo mẫu.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2020: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, Biểu số 59/CK-NSNN không theo biểu mẫu trong TT343, cụ thể là thiếu mục C (bội chi/bội thu) và mục D (chi trả nợ gốc); mục A không chi tiết các khoản thu cân đối theo mẫu.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, Biểu số 59/CK-NSNN không theo biểu mẫu trong TT343, cụ thể là thiếu mục C (bội chi/bội thu) và mục D (chi trả nợ gốc); mục A không chi tiết các khoản thu cân đối theo mẫu.
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo được công khai đi kèm với báo cáo thuyết minh. Báo cáo phản ánh đầy đủ 07 biểu (từ biểu số 62 đến biểu số 68) theo quy định của Thông tư 343. Biểu số 65/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 03 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có đầy đủ các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo các đơn vị sử dụng ngân sách cấp tỉnh và cấp huyện (Biểu số 68/CK-NSNN). Tuy nhiên, biểu quyết toán cân đối ngân sách (Biểu số 62/CK-NSNN) phản ánh thiếu mục D về chi trả nợ gốc của ngân sách địa phương. Báo cáo có phản ánh các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 nhóm thu nhưng không chi tiết thu phí lệ phí theo tỉnh, huyện, xã phường.

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Lập dự toán ngân sách năm 2019 của tỉnh chưa đảm bảo tin cậy cho việc thực hiện dự toán. Cụ thể, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2019 của tỉnh là 36,28%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2019 của tỉnh là 11,41%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2019 của tỉnh là 5,92%, chênh lệch giữa quyết toán

và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2019 của tỉnh là 0,69%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2019 của tỉnh là 4,18%.

- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo của tỉnh năm 2021 trình HĐND so với dự toán chi thường xuyên cho giáo dục và đào tạo năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt là -4,15%. Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này giảm trong khi tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 tăng (4,94%) đã được HĐND tỉnh phê duyệt.
- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên lĩnh vực giáo dục và đào tạo đã được HĐND tỉnh quyết định năm 2021 so với dự toán chi thường xuyên cho giáo dục và đào tạo năm 2020 đã được HĐND tỉnh quyết định là -4,15%. Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này giảm trong khi tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 tăng (4,94%) đã được HĐND tỉnh phê duyệt.
- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế và dân số của tỉnh năm 2021 trình HĐND so với dự toán chi thường xuyên cho y tế và dân số năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt là 0,2%. Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này tăng chậm hơn so với mức tăng của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 (4,94%) đã được HĐND tỉnh phê duyệt.
- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên lĩnh vực y tế và dân số năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định năm 2021 so với dự toán chi thường xuyên cho y tế và dân số năm 2020 đã được HĐND tỉnh quyết định là 0,2%. Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này tăng chậm hơn so với với mức tăng của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 (4,94%) đã được HĐND tỉnh phê duyệt.

Tính liên tục của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh trình HĐND tỉnh và Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt được công khai liên tục trong 03 năm 2019, 2020 và 2021.

- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh được công khai liên tục trong 03 năm 2017, 2018 và 2019.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

- Tỉnh không công khai tài liệu nào trong số 05 tài liệu được khuyến khích công khai, bao gồm: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách tỉnh năm 2021, Báo cáo tài chính của tỉnh, Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2021-2023 và Dự thảo kế hoạch tài chính

ngân sách tỉnh 05 năm 2021-2025, và kết quả kiểm toán ngân sách nhà nước tỉnh năm 2017, 2018 hoặc 2019.

2.3. Trụ cột về sự tham gia của người dân

- Thư mục công khai ngân sách của tỉnh Lâm Đồng được phân chia rất hệ thống, có thể lọc được các loại tài liệu như báo cáo ngân sách công dân, kế hoạch đầu tư công, báo cáo nợ công,... Tuy nhiên các tài liệu ngân sách chưa theo sát biểu mẫu của TT343.

- Trang TTĐT của Sở Tài chính có thư mục hỏi đáp, có email và có thể sử dụng được. Nhóm nghiên cứu đã tiến hành gửi thư qua địa chỉ email được cung cấp trên cổng thông tin điện tử của Sở Tài chính vào ngày 26/01/2021 và sau 30 ngày vẫn chưa nhận được phản hồi.

- Trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính không có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh.

- Trang TTĐT của Sở Tài chính không công khai Quy chế và Quy trình cung cấp thông tin cho người dân của Sở.

- Trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh không có đường link dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân (Facebook, Zalo)

- Trang TTĐT UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh không công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2021 (Kỳ họp tháng 12/2020

- Trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh có công khai báo cáo thẩm tra ngân sách của HĐND tỉnh (bao gồm báo cáo thẩm tra quyết toán 2019 hoặc dự thảo dự toán 2021).

- Trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh có công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2020.

3. Phương pháp khảo sát POBI 2020

POBI 2020 thực hiện khảo sát với 16 loại tài liệu ngân sách, trong đó có 11 tài liệu khảo sát để tính điểm POBI 2020 và 5 tài liệu khuyến khích công khai. Trong số 11 tài liệu khảo sát để tính điểm POBI 2020 có 7 loại tài liệu ngân sách bắt buộc phải công khai theo Luật NSNN 2015 và 4 tài liệu ngân sách cần phải công khai theo như thông lệ tốt của quốc tế.

Mức độ công khai, minh bạch ngân sách (tính là chỉ số công khai ngân sách POBI 2020) được xây dựng thông qua 6 tiêu chí là tính sẵn có, kịp thời, thuận tiện, đầy đủ, tin cậy và tính liên tục của các loại tài liệu ngân sách. Nội dung cụ thể của từng tiêu chí như sau:

Tính sẵn có: Tính sẵn có của các tài liệu ngân sách được xác định dựa trên việc công khai 10 tài liệu ngân sách trên cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh và/hoặc trang thông tin điện tử của Sở Tài chính, HĐND tỉnh, Sở KH&ĐT tỉnh và MTTQ tỉnh.

Tính kịp thời (thời điểm công khai): Tính kịp thời được xác định thông qua *ngày công khai* hoặc *ngày đăng* các tài liệu ngân sách trên cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh và/hoặc Sở Tài chính tỉnh.

Tính thuận tiện: Tính thuận tiện được xác định dựa trên định dạng tài liệu ngân sách được công khai trên cổng thông tin điện tử. Tài liệu công khai được coi là thuận tiện khi cho phép người sử dụng/người đọc có thể dễ dàng tái sử dụng các thông tin cho công việc của họ.

Tính đầy đủ: Tính đầy đủ được xác định dựa trên việc công bố đầy đủ số lượng các bảng biểu và nội dung của một số bảng biểu theo quy định tại Thông tư 343 đối với từng loại tài liệu ngân sách.

Tính tin cậy: Khảo sát đánh giá khả năng dự báo chính xác của dự toán ngân sách năm 2019 so với thực tế (quyết toán ngân sách năm 2019) theo phương pháp phân tích ngân sách gọi tắt là PEFA thường được các tổ chức quốc tế và các nước đang áp dụng.

Tính liên tục: Tính liên tục, thường xuyên trong việc công bố các tài liệu ngân sách được xác định dựa trên việc công khai đầy đủ các loại tài liệu Báo cáo dự thảo dự toán trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự thảo dự toán đã được HĐND phê duyệt, và Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương trong ba năm gần nhất.

Tổng số câu hỏi khảo sát POBI 2020 có tính điểm bao gồm **96** câu hỏi. Số điểm tối đa cho mỗi câu hỏi là 100 điểm. Xếp hạng POBI 2020 về kết quả công khai minh bạch ngân sách của địa phương được thực hiện theo thang điểm với 4 mức. Mức A: Từ 75 – 100 điểm quy đổi, được hiểu là mức độ công khai **ĐẦY ĐỦ**. Mức B: Từ 50 – dưới 75 điểm quy đổi), được hiểu là mức độ công khai **TƯƠNG ĐỐI.** Mức C: Từ 25 – dưới 50 điểm quy đổi, được hiểu là mức độ công khai **CHƯA ĐẦY ĐỦ.** Mức D: Từ 0 – dưới 25 điểm quy đổi, được hiểu là mức độ công khai **ÍT**.

Trọng số khi tính điểm POBI 2020

Theo chu trình ngân sách, Báo cáo tình hình thực hiện dự toán ngân sách Quý 1, 6 tháng, Quý 3 và cả năm 2020 chỉ được coi là loại tài liệu ngân sách. Vì vậy, để đảm bảo công bằng khi tính điểm, số điểm của các câu hỏi POBI 2020 cho Báo cáo 4 loại tài liệu này sẽ được tính bằng 50% tổng số điểm của từng câu hỏi.

Quy trình khảo sát POBI 2020

Khảo sát POBI 2020 đã được thực hiện qua 3 vòng khảo sát như sau:

- *Vòng thứ nhất:* Nhóm các đánh giá viên làm việc theo nhóm 2 người, tiến hành khảo sát độc lập POBI cho từng tỉnh, đưa ra các minh chứng. Sau đó, kết quả khảo sát vòng 1 được các đánh giá viên thực hiện so sánh, đối chiếu, kiểm tra lại kết quả. Kết quả khảo sát cuối cùng được thống nhất giữa hai đánh giá viên và được gửi tới cho nghiên cứu viên cao cấp.
- *Vòng thứ hai:* Nhóm nghiên cứu viên cao cấp sẽ thực hiện kiểm tra, thẩm định lại kết quả khảo sát POBI vòng thứ nhất do các đánh giá viên thực hiện. Nếu có các sai khác giữa kết quả thẩm định của nghiên cứu viên cao cấp và kết quả khảo sát của các đánh giá viên thì kết quả chấm POBI sẽ được nhóm nghiên cứu kiểm tra, đối chiếu lại một lần nữa.
- *Vòng thứ ba:* Kết quả khảo sát POBI sau khi được nghiên cứu viên cao cấp thẩm định và đồng ý sẽ được gửi cho các tỉnh để tham vấn và xác nhận lại. Kết quả khảo sát POBI cuối cùng là sự tổng hợp của ba vòng khảo sát trên.